

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/DS-ST

Ngày: 01 - 8 - 2024

V/v "t/c hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất và tranh chấp đất cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Trường Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Duy Bình
- Ông Võ Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Kim Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trọng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2021/TLST-DS ngày 16/12/2021 về việc "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp đất cọc", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà T T T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thành: Ông N V K, sinh năm 1974
(Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2024)

Địa chỉ: TDP số 6, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà N T P, sinh năm 1971 và ông L V D, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Ô 8/46, ấp 2, xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phượng, ông Dọn: Bà T T N, sinh năm 1983 (Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2022)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà L T H, sinh năm 1972
- Ông Đ D L, sinh năm 1994
- Bà Đ T K P, sinh năm 1999
- Bà V T K L, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An

- Bà Đ T N T, sinh năm 1966
- Ông N Q B, sinh năm 1988
- Bà Đ T N C, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An

- Ông L S M, sinh năm 1955
- Bà N T C, sinh năm 1955

Địa chỉ: 447 Phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- V P C C L V H

Địa chỉ: Số 12 Bùi Chí Nhuận, phường 2, thành phố Tân An, Long An.

(Ông Kiệt, ông Bình, bà Thanh có mặt; bà Nhiên vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Hồng, ông Long, bà Phụng, bà Loan, bà Chọn, ông Mai, bà Chiên vắng mặt; V P C C L V H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại phiên Tòa, ông N V K đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 28/11/2018, bà Thanh và ông Dọn, bà Phượng ký hợp đồng đặt cọc số 11469, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ký tại V P C C L V H. Theo hợp đồng đặt cọc thì ông Dọn, bà Phượng chuyển nhượng cho bà Thanh 06 thửa đất, tổng diện tích 12.666m² trong Hợp đồng đặt cọc ghi 06 thửa với diện tích 10.000.000m² bằng số và ghi bằng chữ là mười nghìn mét vuông bằng chữ. Cụ thể 06 thửa đất: Thửa 465 có diện tích 1.132m², thửa 519 có diện tích 400m², thửa 524 có diện tích 218m² cùng tờ bản đồ số 7; thửa 341 có diện tích 4.520 m², thửa 430 có diện tích 2.272 m², thửa 1097 có diện tích 4.124m² cùng tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Giá chuyển nhượng 1.800.000.000 đồng nhưng trong hợp đồng đặt cọc ghi số tiền chuyển nhượng là 2.000.000.000đồng, bà Thanh đã đưa cho vợ chồng ông Dọn bà Phượng 1.200.000.000 đồng, số tiền còn lại 600.000.000 đồng. Ngày 28/3/2019, ông Dọn bà Phượng giao thửa 341, thửa 430, thửa 1097 cùng tờ bản đồ số 8 cho bà Thanh quản lý, sử dụng trồng lúa. Các thửa 465, thửa 519, thửa 524 cùng tờ bản đồ số 7 do những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quản lý sử dụng. Bà Thanh khởi kiện yêu cầu ông Dọn bà Phượng tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa 465, thửa 519, thửa 524 cùng tờ bản đồ số 7; thửa 341, thửa 430, thửa 1097 cùng tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An do ông L V D đứng

tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Thanh đồng ý thanh toán tiếp số tiền còn lại 600.000.000 đồng cho ông Dọn, bà Phượng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án: Hợp đồng đặt cọc ngày 28/11/2018 (Bản gốc); văn bản chấm dứt thực hiện giấy ủy quyền ngày 04/7/2024 (Bản chính); đơn xin chấm dứt ủy quyền ngày 09/7/2024; biên bản hòa giải áp 1 ngày 29/4/2021; biên bản hòa giải áp 1 lần 2 ngày 11/5/2021 (Tất cả bản phô tô).

- *Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 26/7/2024 và tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2024, bà T T N đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Ngày 28/11/2018, bà Thanh và ông Dọn, bà Phượng ký hợp đồng đặt cọc số 11469, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ký tại V P C C L V H với mục đích chuyển nhượng cho bà Thanh 03 thửa đất gồm 341, thửa 430, thửa 1097 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An do ông L V D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông Dọn và bà Phượng đem theo hết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có trong gia đình theo khi ký hợp đồng đặt cọc. Do đó, Văn phòng công chứng ghi tất cả các thửa đất của ông Dọn có thêm thửa 465 có diện tích 1.132m², thửa 519 có diện tích 400m², thửa 524 có diện tích 218m² cùng tờ bản đồ số 7 do ông L V D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá chuyển nhượng là 2.000.000.000đồng, bà Thanh đã đưa cho vợ chồng ông Dọn bà Phượng 1.200.000.000 đồng, số tiền còn lại 800.000.000 đồng. Ngày 28/3/2019, ông Dọn bà Phượng giao thửa 341, thửa 430, thửa 1097 cùng tờ bản đồ số 8 cho bà Thanh quản lý, sử dụng trồng lúa. Các thửa 465, thửa 519, thửa 524 cùng tờ bản đồ số 7 do những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quản lý sử dụng. Bà Thanh khởi kiện yêu cầu ông Dọn bà Phượng tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa 465, thửa 519, thửa 524 cùng tờ bản đồ số 7; thửa 341, thửa 430, thửa 1097 cùng tờ bản đồ số 8, thì ông Dọn và bà Phượng không đồng ý do bà Phượng và ông Dọn chỉ bán cho bà Thanh 03 thửa là thửa 341, thửa 430, thửa 1097 cùng tờ bản đồ số 8. Ông Dọn và bà Phượng đồng ý trả lại tiền đặt cọc 1.200.000.000đ cho bà Thanh và yêu cầu bà Thanh trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa 341, thửa 430, thửa 1097. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cung cấp cho Tòa án: Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Dọn đứng tên (Bản phô tô).

- *Tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2024 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ T N T, ông N Q B, bà Đ T N C cùng trình bày (bà Chọn do ông Bình trình bày):* Các ông bà đang ở trên thửa 524, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Tân Đông huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An từ năm 2009 đến nay. Nay bà Thanh khởi kiện yêu cầu ông Dọn và bà Phượng tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 524 thì các ông bà không đồng ý do đất các ông bà đã ở và cất nhà trên đất từ năm 2009 đến nay. Trong vụ án này các ông

bà không tranh chấp và không yêu cầu gì đối với nguyên đơn và bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Bình cung cấp cho Tòa án: Hợp đồng mua bán đất ngày 26/11/2009 (Bản phô tô)

- *Tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L S M, bà N T C trình bày (ông Mai do bà Chiên trình bày):* Bà Chiên đang ở trên thửa 519, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Tân Đông huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An từ năm 2006 đến nay. Nay bà Thành khởi kiện yêu cầu ông Dọn và bà Phượng tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 519 thì bà không đồng ý do bà đã ở và cất nhà trên đất từ năm 2006 đến nay. Trong vụ án này bà không tranh chấp và không yêu cầu gì đối với nguyên đơn và bị đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L T H, ông Đ D L, bà Đ T K P, bà V T K L:* Bà Hồng, ông Long, bà Phụng, bà Loan vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như không có văn bản phản bác yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì cho Tòa án (Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/12/2023 thửa đất 465 do bà Hồng, ông Long, bà Phụng, bà Loan đang quản lý sử dụng).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan V P C C L V H tỉnh Long An trình bày:* V P C C L V H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như không có văn bản phản bác yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì cho Tòa án.

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/12/2022; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/01/2023; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/11/2023; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/12/2022; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/12/2023; chứng thư thẩm định giá; công văn ngày 25/12/2023 của công ty đo đạc nhà đất Hưng Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa xác định trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành tốt nghĩa vụ và thực hiện đầy đủ quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi nghị án. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa đề nghị do giao dịch dân sự giữa bà Thành và ông Dọn, bà Phượng vô hiệu nên các bên phải giao trả cho nhau những gì đã nhận. Các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Là tranh chấp về quyền sử dụng đất và tranh chấp đất cọc chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[2] *Về việc giải quyết vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L T H, ông Đ D L, bà Đ T K P, bà V T K L, bà Đ T N C, ông L S M, bà N T C, V P C C L V H*: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên

[3] *Về việc không đo đạc được*: Nguyên đơn có yêu cầu đo đạc và Tòa án đã thực hiện các thủ tục pháp lý để tổ chức có thẩm quyền đo đạc các thửa đất “tranh chấp” (Đã thực hiện đo đạc 04 lần) nhưng nguyên đơn không chỉ được ranh đất cũng như không có các chủ đất liền kề ký giáp ranh nên việc đo đạc không thực hiện được và đã được Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng phú có văn bản không đo đạc được ngày 25/12/2023. Do đó, việc không đo đạc được là lỗi của nguyên đơn.

[4] *Về nội dung vụ án*: Bà Thanh khởi kiện yêu cầu ông Dọn bà Phượng tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa 465, thửa 519, thửa 524 cùng tờ bản đồ số 7; thửa 341, thửa 430, thửa 1097 cùng tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An do ông L V D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Thanh đồng ý thanh toán tiếp số tiền còn lại 600.000.000 đồng cho ông Dọn, bà Phượng thì ông Dọn và bà Phượng không đồng ý do bà Phượng và ông Dọn chỉ bán cho bà Thanh 03 thửa là thửa 341, thửa 430, thửa 1097 cùng tờ bản đồ số 8. Ông Dọn và bà Phượng đồng ý trả lại tiền đặt cọc 1.200.000.000đ cho bà Thanh và yêu cầu bà Thanh trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa 341, thửa 430, thửa 1097. Căn cứ vào hợp đồng đặt cọc ngày 28/11/2018 tại Điều 1 ghi mua “10.000.000m² (Mười nghìn mét vuông)” cũng như tại Điều 2 ghi số tiền còn lại “bên B thanh toán cho bên A sau khi hợp đồng chuyển nhượng được chứng nhận tại Văn phòng công chứng” từ đó bà Thanh cùng ông Dọn, bà Phượng đổ lỗi cho nhau nên các bên không ký kết được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nhận thấy hợp đồng đặt cọc ngày 28/11/2018 không thực hiện được là lỗi của 03 bên. Bên đặt cọc T T T; bên nhận cọc L V D và bà N T P; V P C C L V H ghi sai về số tổng diện tích đất ghi mua 10.000.000m² (Mười nghìn mét vuông) trong khi tổng diện tích 06 thửa đất của ông Dọn chỉ có 12.666m² cũng như tại Điều 2 ghi số tiền còn lại bên B thanh toán cho bên A sau khi hợp đồng chuyển nhượng được chứng nhận tại Văn phòng công chứng là sai sót vì khi ký kết hợp đồng bên A phải thanh toán tiếp cho bên B. Do đó, lỗi dẫn đến hợp đồng

đặt cọc ngày 28/11/2018 không thực hiện được là do nhầm lẫn mà lỗi dẫn đến nhầm lẫn là lỗi của bà T T T, V P C C L V H, ông Văn Dọn và N T P là bằng nhau. Do hợp đồng đặt cọc ngày 28/11/2018 vô hiệu nên các bên phải giao trả cho nhau những gì đã nhận. Do đó, ông Dọn và bà Phượng phải trả 1.200.000.000đ tiền nhận cọc cho bà Thanh. Bà Thanh phải trả quyền sử dụng đất thửa 341, thửa 430, thửa 1097 cùng tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An cho ông L V D và bà N T P.

[5] *Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Về chi phí định giá; đo đạc; xem xét thẩm định tại chỗ:* Chi phí định giá; đo đạc; xem xét thẩm định tại chỗ là 40.000.000đ. Do yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của nguyên đơn không được chấp nhận. Do đó, nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí trên.

[7] *Về án phí:* Bà T T T là người trên 60 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông L V D là người trên 60 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà N T P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Án phí đối với 1.200.000.000đ đặt cọc là 48.000.000đ, do ông Dọn được miễn án phí nên bà Phượng phải chịu án phí là $48.000.000đ : 2 = 24.000.000đ$. Do bà Phượng và ông Dọn là vợ chồng nộp tạm ứng án phí đứng tên cùng biên lai thu tiền nên chuyển toàn bộ án phí do ông Dọn và bà Phượng nộp sang thi hành án phí cho bà Phượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 328, 288, 357, 122, 126, 131, 500 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T T T đối ông L V D và bà N T P về “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T T T đối ông L V D và bà N T P về yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 465 có diện tích $1.132m^2$, thửa 519 có diện tích $400m^2$, thửa 524 có diện tích $218m^2$ cùng tờ bản đồ số 7; thửa 341 có diện tích $4.520 m^2$, thửa 430 có diện tích $2.272 m^2$, thửa 1097 có diện tích $4.124m^2$ cùng tờ bản đồ số 8, tất cả cùng tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An do ông L V D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông L V D và bà N T P có nghĩa vụ trả cho bà T T T 1.200.000.000đ (Một tỉ hai trăm triệu đồng) tiền đặt cọc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà T T T trả cho ông L V D và bà N T P quyền sử dụng đất thửa 341, thửa 430, thửa 1097 cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An do ông L V D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thửa 341 có vị trí tiếp giáp như tại mục III sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Hóa cấp ngày 07/01/2010 số vào sổ cấp GCN:CHOOO23; thửa 430 có vị trí tiếp giáp như tại mục III sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Hóa cấp ngày 07/01/2010 số vào sổ cấp GCN:CHOOO22; thửa 1097 có vị trí tiếp giáp như tại mục III sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Hóa cấp ngày 07/01/2010 số vào sổ cấp GCN:CHOOO24).

Về chi phí định giá; đo đạc; xem xét thẩm định tại chỗ: Bà T T T phải chịu 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) bà Thành đã nộp xong.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho T T T. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông L V D.

Bà N T P phải chịu 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) tạm ứng án phí mà ông Dọn và bà Phượng đã nộp theo biên lai thu số 0011240 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa sang thi hành án phí. Trả lại ông L V D và bà N T P 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Dọn và bà Phượng đã nộp theo biên lai thu số 0011241 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

Trả lại bà T T T 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Thành đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0010850 và 0010851 cùng ngày 16/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Trường Thọ